



AMBANI 30

(Viên nang mềm Ubidecarenon 30 mg)

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng  
 Để xa tầm tay trẻ em

**THÀNH PHẦN CÔNG THỨC:** Mỗi viên nang mềm chứa:

*Thành phần được chất:*

Ubidecarenon (Coenzym Q10).....30 mg

*Thành phần tá dược:* dầu đậu nành, sáp ong, butylated hydroxytoluen, lecithin, gelatin, glycerin, dung dịch Sorbitol 70%, titan dioxyd, ethyl vanillin, methylparaben, propylparaben, tartrazin yellow, sunset yellow, nước tinh khiết.

**DẠNG BẢO CHẾ:** Viên nang mềm

Mô tả: Viên nang mềm hình oval, màu vàng cam đồng nhất, bề mặt viên nhẵn bóng, dịch thuốc bên trong màu vàng cam.

**CHỈ ĐỊNH:**

Bổ sung coenzym Q10 dùng để hỗ trợ các bệnh và tình trạng bệnh sau:

- Bệnh về hệ tuần hoàn như: bệnh cơ tim, tăng huyết áp, rối loạn nhịp tim;
- Phòng ngừa xơ vữa động mạch;
- Bệnh nha chu;
- Giảm hiệu suất hoạt động thể chất và chứng mệt mỏi mạn tính do thiếu coenzym Q10 nội sinh (ví dụ ở các vận động viên chuyên nghiệp, ở người cao tuổi vì ở nhóm đối tượng này hàm lượng coenzym Q10 trong máu và các mô bị giảm).

**CÁCH DÙNG & LIỀU DÙNG:**

Liều cơ bản: 30 mg – 90 mg coenzym Q10 được chia làm 3 lần/ngày. Ambani được thiết kế với liều 30 mg/viên, theo đó bệnh nhân có thể dùng 1 viên/lần x 3 lần/ngày.

Nên dùng thuốc sau bữa ăn. Hiệu quả đạt được sau vài tuần sử dụng. Nếu phải dùng thuốc lâu dài, không nên ngừng thuốc đột ngột mà cần tham khảo ý kiến nhân viên y tế.

**CHỐNG CHỈ ĐỊNH:**

Quá mẫn với ubidecarenon và bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú

**CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:**

Trong quá trình sử dụng có thể có sự tăng nhẹ hoạt động của lactat dehydrogenase và transaminase trong máu.

Thuốc có chứa dầu đậu nành, nếu bệnh nhân bị dị ứng với đậu phộng hay đậu nành thì không dùng thuốc này.



Thuốc này có chứa khoảng 38 mg sorbitol trong mỗi viên. Cần xem xét tác dụng hiệp đồng của các thuốc có chứa sorbitol (hay fructose) và lượng sorbitol (hay fructose) dùng theo chế độ ăn kiêng. Hàm lượng sorbitol có trong thuốc uống có thể ảnh hưởng sinh khả dụng của các thuốc khác khi dùng chung.

Thuốc chứa methylparaben, propylparaben có thể gây ra các phản ứng dị ứng (có thể xảy ra chậm).

Thuốc chứa tartrazin yellow và sunset yellow, có thể gây phản ứng dị ứng.

### **SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:**

Không sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú.

### **ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC:**

Ubidecarenon (coenzyme Q10) không hoặc ảnh hưởng ít lên khả năng lái xe, vận hành máy móc, làm việc trên cao hoặc các trường hợp khác.

### **TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:**

Ubidecarenon có thể làm tăng tác dụng của thuốc lợi tiểu, glycosid digitalis và nitrat. Thuốc làm tăng tác dụng chống oxy hóa của vitamin E và có tác dụng hiệp đồng với L-Carnitin về mặt ảnh hưởng đến quá trình trao đổi chất và tuần hoàn. Thuốc có thể kéo dài thời gian tác dụng hạ huyết áp của enalapril nitrendipin.

Ubidecarenon có thể làm giảm nguy cơ tác dụng phụ xảy ra sau khi sử dụng statin và ngăn ngừa tác dụng ức chế cơ tim do thuốc chẹn beta gây ra. Thuốc làm giảm độc tính trên tim của các kháng sinh chống ung thư (thuốc kim tế bào) từ nhóm anthracyclin. Thuốc có thể ức chế tác dụng chống kết tập và chống huyết khối của warfarin.

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác

### **TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:**

Tác dụng không mong muốn được phân loại theo tần suất gặp với quy ước như sau: rất phổ biến ( $\geq 1/10$ ), phổ biến ( $\geq 1/100$  đến  $< 1/10$ ), ít gặp ( $\geq 1/1000$  đến  $< 1/100$ ), hiếm gặp ( $\geq 1/10\ 000$  đến  $< 1/1000$ ), rất hiếm gặp ( $< 1/10\ 000$ ) và không rõ tần suất (không thể ước tính được từ những dữ liệu có sẵn).

Các tác dụng sau đây đã được quan sát khi sử dụng ubidecarenon lâu dài ở liều khuyến cáo.

#### **Rối loạn dạ dày và đường ruột:**

Ít gặp: khó chịu vùng thượng vị, chán ăn, buồn nôn, tiêu chảy.

#### **Rối loạn hệ thống miễn dịch**

Rất hiếm gặp: đỏ da, phản ứng dị ứng.

*Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.*



### **QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:**

Ở một số người, dùng hơn 100 mg ubidecarenon mỗi ngày có thể gây ra chứng mất ngủ. Tuy nhiên, không thấy tăng men gan hoặc các triệu chứng nhiễm độc gan ngay cả sau khi sử dụng lâu dài 300 mg ubidecarenon mỗi ngày. Các triệu chứng quá liều khác có thể xảy ra bao gồm: phát ban, buồn nôn, đau bụng trên, ợ nóng, chóng mặt, sợ ánh sáng, khó chịu, nhức đầu, và mệt mỏi.

### **ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC**

Nhóm dược lý: Thuốc tác động lên hệ tim mạch

Mã ATC: C01EB09.

Ubidecarenon (coenzyme Q10) xuất hiện ở tất cả các sinh vật động vật và thực vật và cần thiết cho hoạt động bình thường của cơ thể. Ubidecarenon là một chất chống oxy hóa mạnh - một coenzym tham gia vào quá trình oxy hóa - khử trong việc vận chuyển điện tử trong ty thể, do đó làm tăng sản xuất và sử dụng năng lượng trong tế bào, đặc biệt là cơ tim và cơ xương. Ubidecarenon giúp loại bỏ các gốc tự do trong cơ thể và có khả năng ổn định màng tế bào. Ubidecarenon có đặc tính chống xơ vữa động mạch, hạ huyết áp và kích thích hệ thống miễn dịch.

### **ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC**

Ubidecarenon (coenzyme Q10) được hấp thu ở ruột non vào mạch bạch huyết rồi đi vào máu. Sự hấp thu của ubidecarenon lớn hơn khi dùng đồng thời hoặc ngay sau bữa ăn. Cả sự hấp thu của ubidecarenon từ ruột và sự xâm nhập vào máu của thuốc đều kém (hơn 60% liều dùng được bài tiết qua phân). Sau khi vào máu, ubidecarenon liên kết với các thành phần lipoprotein huyết tương (bao gồm cả cholesterol) và được phân phối đến nhiều mô của cơ thể. Ubidecarenon cũng thâm nhập vào não. Khoảng 3 tuần sau khi dùng liều hàng ngày, ubidecarenon đạt nồng độ tối đa trong huyết tương và được duy trì khi tiếp tục sử dụng thuốc.

Ubidecarenon trải qua quá trình biến đổi thuận nghịch trong tế bào từ dạng oxy hóa - ubiquinol sang dạng khử - ubiquinol. Ubiquinol có thể hoạt động như một chất chống oxy hóa. Ubidecarenon được đào thải khỏi cơ thể qua mật. Chất chuyển hóa cuối cùng của Ubidecarenon là glucuronid được đào thải qua thận.

**QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:** Hộp 03, 05, 10 vỉ x 10 viên

**ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:** Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

**HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG:** TCCS.

Sản xuất tại:

**CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH HÀ NAM**

Khu công nghiệp Đồng Văn I, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, Hà Nam

